TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 455/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2025
V/v: "*Tranh chấp Ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Đẹp.
2. Ông Dương Văn Quí.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Hồng Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đ K T(có mặt).

Địa chỉ: 70/2B ấp H L, xã B Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông N T A(xin vắng mặt).

Địa chỉ: 70/2B ấp H L, xã B Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/01/2025, bản tự khai, các tài liệu khác trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đ K T trình bày:

Bà và ông N T A tự nguyện tìm hiểu và tiến tới chung sống với nhau vào năm 2016, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T L, huyện L T, tỉnh V P vào ngày 29/3/2016. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, đến năm 2017 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay tranh cãi, xúc phạm nhau và mâu thuẫn về kinh tế khiến cả hai không còn hạnh phúc nữa. Bà và ông T A đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện tại cả hai đã sống ly thân. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông N T A.

Về con chung: Có 02 trẻ tên N M T, sinh ngày 08/12/2016 và N M H, sinh ngày 25/7/2023. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và các tài liệu khác, bị đơn ông N T A trình bày:

Ông và bà K T tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn đúng như bà K T trình bày. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Vợ chồng ông đã sống ly thân sau nhiều lần cãi vả do không hòa hợp tính tình. Nay bà K T yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn thì ông đồng ý ly hôn với bà K T.

Về con chung: Có 02 trẻ tên N M T, sinh ngày 08/12/2016 và N M H, sinh ngày 25/7/2023. Ông T A yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung và không yêu cầu bà K T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi hội đồng xét xử nghị án, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn xét thấy Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các Hội thẩm nhân dân đều tuân theo đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn bà Đ K Tđối với ông N T A về ly hôn, về con chung và cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, về nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đ K T khởi kiện ly hôn với ông N T A. Bị đơn ông N T A cư trú tại 70/2B ấp H L, xã B Đ, huyện H M, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 08/4/2025 bị đơn ông N T A có đơn xin vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự: Bà Đ K T yêu cầu được ly hôn với ông N T A. Yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con và tại tòa bà T yêu cầu ông T A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/trẻ. Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có.

[3.1] Về yêu cầu ly hôn: Bà Đ K T yêu cầu được ly hôn với ông N T A.

Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bà Đ K T và ông N T A tự nguyện tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T L, huyện LT, tỉnh V P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11/2016 vào ngày 29/3/2016, có cơ sở xác định hôn nhân của bà T và ông T A là hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông A là có thật, bởi lẽ: Bà T trình bày, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2017, do cả hai vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về kinh tế nên thường xuyên cải vã, mất hạnh

phúc nên bà K T và ông T A đã sống ly thân. Mặc dù cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Và ông T A cũng thống nhất với việc bà T trình bày nêu trên.

Dó đó có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng bà K T và ông T A là có xảy ra và trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ giữa các bên không có. Bên cạnh đó bà T cương quyết ly hôn và ông T A cũng đồng ý ly hôn nên khả năng đoàn tụ gia đình giữa ông T A và bà T là không có.

Do đó Hội đồng xét xử xét thấy việc bà T yêu cầu ly hôn với ông A là có cơ sở pháp lý, tuy nhiên ông A cũng thuận tình ly hôn nên cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà T với ông A.

[3.2] Về con chung: Có 02 trẻ tên N M T, sinh ngày 08/12/2016 và N M H, sinh ngày 25/7/2023. Bà K T và ông T A đều yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con chung. Tại phiên tòa: Bà T yêu cầu ông T A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/trẻ.

[3.2.1] Về quyền nuôi con:

Về trẻ H: sinh ngày 25/7/2023, tính đến ngày xét xử 05/5/2025 trẻ H chưa đủ 36 tháng tuổi;

Về trẻ M T: Tại bản tự khai ngày 20/3/2025 trẻ T có nguyện vọng được sống với bà T,

Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ M T, M H là có cơ sở pháp lý. Do đó việc ông T A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ M T, M H là không có cơ sở xem xét.

[3.2.2.] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Tại phiên tòa, bà T yêu cầu ông T A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/trẻ.

Xét trong quá trình làm việc tại Tòa, bị đơn ông T A xác định thu nhập của ông 10.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở buộc ông T A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/trẻ theo yêu cầu của bà T là có cơ sở pháp lý.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự khai không có và không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn là có cơ sở pháp lý.

Chính vì những phân tích nên trên nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Đ K T đối với ông N T A.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Về án phí hôn nhân gia đinh 300.000 đồng: Bà T phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 264; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 55, và khoản 2, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Bà Đ K T.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ K T và ông N T A thuận tình ly hôn.

[1.2] Về con chung: Có 02 trẻ chung tên N M T, sinh ngày 08/12/2016 và N M H, sinh ngày 25/7/2023. Giao trẻ M T và M H cho bà Đ K T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Buộc ông T A cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/trẻ cho đến khi các trẻ tròn 18 tuổi. Thi hành Tại Chi Cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu theo quy định tại Điều 84, Điều 119 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[1.3] Về tài sản, nợ chung: Các bên đương sự khai không có.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng đồng buộc bà Đ K T phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Đ K T đã nộp theo biên lai thu số 0081509 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Bà T đã nộp đủ án phí.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng: Ông N T A chịu. Thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn.

[3] Về quyền kháng cáo: Bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T A có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi

hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND huyện Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ánh Nguyệt